

Bản án số: 492/2020/HS-PT

Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 321/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Ngọc C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch UBND xã H; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 19/7/2019 theo Quyết định số 135-QĐ/UBKTHU của Ủy ban kiểm tra huyện ủy H; con ông Bùi Đình Thông và bà Cao Thị Nguyên (đều đã chết); có vợ là Hắc Thị Ngầm và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2019 đến ngày 30/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại; có mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc C: Luật sư Nguyễn Thị Th - Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và Luật sư Võ Văn T – Văn phòng Luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trương Thanh Th, Nguyễn Thị H; bị hại Công ty cổ phần may V và 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/10/2015, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 3903/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương cho Công ty cổ phần may V (sau đây viết tắt là Công ty V) xây dựng nhà máy may V tại khu vực xen canh xã D, H, huyện H với tổng diện tích là 45.789 m².

Sau khi có quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa, thông qua UBND xã D và H, Công ty V đã tiến hành thỏa thuận chuyển nhượng 50.359,9 m² của 62 hộ dân tại các xã D, H. Căn cứ vào thỏa thuận và đơn xin thuê đất của Công ty V, ngày 17/7/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 2506/QĐ-UBND về việc thu hồi và cho Công ty V thuê 39.040 m² đất.

Trong 62 hộ được thỏa thuận đền bù có 06 hộ (Lê Thị T1, Phạm Ngọc G, Lê Trung G1, Lê Văn N, Lê Trung V và Phạm Ngọc V1 có địa chỉ tại thôn 9 xã H) có đất nằm trong quyết định thu hồi của UBND tỉnh Thanh Hóa, nhưng không được Công ty V thỏa thuận và chi trả tiền.

Quá trình điều tra đã làm rõ: 06 hộ dân trên được chia đất tại khu vực Đồng Thần xã H, nhưng do trước năm 1988 và giai đoạn 1989 - 1992 các hộ này nợ các khoản tiền sản, tiền trâu bò, phạt do vi phạm chính sách dân số... của Hợp tác xã H nên khi Hợp tác xã giải thể năm 1995 thì chuyển các công nợ cho UBND xã H. Tháng 10/2009 dồn điền, đổi thửa lần 2, Nguyễn Thị H là Trưởng thôn 9 có thông báo cho tất cả nhân dân trong thôn biết việc tạm giữ ruộng của 06 hộ tại khu xứ Đồng Thần (khu vực sâu trũng khó canh tác), không cho canh tác nhưng không cho 06 hộ dân biết vị trí khu ruộng bị tạm giữ. Đến năm 2011, thôn 9 họp thống nhất giao cho Chi hội nông dân tập thể của thôn canh tác trên các thửa ruộng bị tạm giữ để tránh bị bỏ hoang, tổng diện tích số ruộng bị tạm giữ tại khu vực Đồng Thần (xen canh với xã D) của 06 hộ là 3.800m² gồm: Hộ ông Phạm Ngọc G (người đại diện là Phạm Thị H1) bị tạm giữ nợ là 500m²; Hộ ông Lê Trung G1 (người đại diện là Đào Thị Ch) bị tạm giữ 300m²; Hộ ông Lê Văn N (người thừa kế là Lê Văn Thủy) bị tạm giữ 500m²; Hộ ông Lê Trung V (người đại diện là Bùi Thị Xuân) bị tạm giữ 1000m²; Hộ ông Phạm Ngọc V1 bị tạm giữ là 1000 m²; Hộ bà Lê Thị T1 bị tạm giữ 500 m².

Đến tháng 10/2015, Công ty V phối hợp với UBND huyện H và UBND xã H triển khai họp về việc thỏa thuận và chuyển nhượng đất để thực hiện dự án. Nguyễn Thị H - Trưởng thôn 9, xã H đã báo cáo với ông Bùi Ngọc C, Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết các thửa đất thuộc diện tạm giữ của 06 hộ dân nêu trên. Bùi Ngọc C đã chỉ đạo Nguyễn Thị H về báo cáo Chi bộ thôn 9 để tổ chức cuộc họp Chi bộ, vận động các Đảng viên và cán bộ trong thôn làm hồ sơ đứng tên nhận tiền bồi thường thay các hộ có diện tích bị tạm giữ; đồng thời C chỉ đạo Trương Thanh Th, cán bộ địa chính xã phối hợp với Hà để thiết lập hồ

sơ, danh sách đề nghị xác nhận các chủ sử dụng đất nông nghiệp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký văn bản đề xác nhận không cho 05 hộ không có đất để lấy tiền bồi thường nộp lại cho UBND xã H, huyện H; UBND xã sẽ trích lại một phần kinh phí cho thôn 9 làm đường giao thông nội đồng. Chấp hành ý kiến chỉ đạo của Bùi Ngọc C, Nguyễn Thị H về báo cáo và tổ chức họp chi bộ mở rộng bất thường ngày 24/10/2015, qua cuộc họp Chi bộ đã phân công 05 cán bộ, đảng viên trong thôn không có đất nằm trong diện đền bù đứng tên để làm hồ sơ nhận tiền bồi thường thay các hộ có diện tích bị tạm giữ, cụ thể Nguyễn Thị H đã tự chia như sau:

- Ông Phạm Ngọc T2 ở thôn 9, xã H, huyện H (xã đội trưởng) đứng tên trên diện tích 451m²

- Ông Lê Trung Th ở thôn 9, xã H, huyện H (Trưởng Công an xã) đứng tên trên diện tích 840m²

- Bà Lê Thị Th1 ở thôn 9, xã H, huyện H (chi hội phó chi hội người cao tuổi) đứng tên trên diện tích 768 m².

- Bà Lê Thị T4 ở thôn 9, xã H, huyện H (chi hội phó chi hội nông dân) đứng tên trên diện tích 642 m².

- Bà Phạm Thị G ở thôn 9, xã H, huyện H, do trước đây đã nhận thầu trên diện tích đất này nên Hà đã đến gặp gia đình bà Gấm để trao đổi, vận động đứng tên trên diện tích 1.000 m².

Ngày 18/11/2015, Bùi Ngọc C ký công văn số 35/UBND-ĐC (kèm danh sách 20 hộ dân có đất bị thu hồi) đề nghị UBND huyện H xác nhận các chủ sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ (trong đó có tên 05 cá nhân đứng tên là có đất ruộng tại thửa 171 tờ bản đồ số 10, khu vực xứ Đồng Thân). Căn cứ Công văn của UBND xã H, Công ty V đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với 05 hộ nêu trên. Cùng ngày, Công ty may V đã tiến hành chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân trong đó có 05 hộ đã đứng tên giúp cho UBND xã H với tổng số tiền được bồi thường là 442.017.000 đồng, gồm:

Phạm Ngọc T2, diện tích 451m² được bồi thường về đất: 20.295.000 đồng; bồi thường về cây cối vật nuôi: 2.029.500 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 30.442.500 đồng. Tổng được bồi thường là 52.767.000đ.

Lê Trung Th, diện tích 840m² được bồi thường về đất: 37.800.000 đồng; bồi thường về cây cối vật nuôi: 3.780.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 57.700.000 đồng. Tổng được bồi thường là: 98.280.000 đồng.

Lê Thị Th1, diện tích 768 m² được bồi thường về đất: 34.560.000 đồng; bồi thường về cây cối vật nuôi: 3.456.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 51.840.000 đồng. Tổng được bồi thường là 89.856.000 đồng.

Phạm Thị G, diện tích 1.000 m² được bồi thường về đất: 45.000.000 đồng; bồi thường về cây cối vật nuôi: 4.500.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 67.500.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: 9.000.000 đồng. Tổng được bồi thường là: 126.000.000 đồng.

Lê Thị T4 diện tích 642 m² được bồi thường về đất: 28.890.000 đồng; bồi thường về cây cối vật nuôi: 2.889.000 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 43.335.000 đồng. Tổng bồi thường là: 75.114.000 đồng.

Ngày 09/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện H đã có Công văn số 669/UBND - TNMT và Công văn số 709/UBND-TNMT ngày 17/5/2019 về nguồn gốc đất nông nghiệp của 06 hộ dân xã H như sau: Việc UBND xã H và thôn 9 tạm giữ ruộng của 06 hộ dân (Lê Thị T1, Phạm Ngọc G, Lê Trung G1, Lê Văn N, Lê Trung V và Phạm Ngọc V1) tại khu vực Đồng Thần do còn nợ Hợp tác xã giai đoạn trước năm 1988 và giai đoạn 1989-1992 thực hiện theo nghị quyết Đại hội xã viên hợp tác xã nông nghiệp; Tổng số diện tích 3.701 m² mà UBND xã H và thôn 9 tạm giữ năm 2009, chưa giao cho các hộ dân. Theo quy định của pháp luật đất đai, 06 hộ dân có đất mà thôn 9 và xã tạm giữ là người quản lý và sử dụng hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi diện tích đất này thì 06 hộ dân trên được nhận bồi thường về đất.

Do đó, khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy may thì Công ty V phải tiến hành thỏa thuận và bồi thường cho 06 hộ dân có đất tại khu vực Đồng Thần.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 13/KLGĐTP-TCKH ngày 23/6/2019 của Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa kết luận: Không có thiệt hại cho ngân sách Nhà nước mà Công ty cổ phần may V bị thiệt hại 442.017.000 đồng.

Đối với 05 trường hợp không có đất, nhưng Chi bộ đã phân công đứng tên để làm hồ sơ nhận tiền bồi thường thay các hộ có diện tích bị tạm giữ. Sau khi nhận được số tiền từ Công ty V chi trả, bồi thường đã giao lại cho Nguyễn Thị H tổng là 442.017.000 đồng. Số tiền này, Bùi Ngọc C, Chủ tịch UBND xã H có bút phê chi cho thôn 9 để làm đường giao thông nội đồng là 142.000.000đ; Hà bàn giao lại cho Trương Thanh Th, cán bộ địa chính 300.000.000 đồng (có biên bản giao nhận ngày 24/12/2015). Nhận 300.000.000 đồng từ Nguyễn Thị H, Trương Thanh Th không nộp vào ngân sách xã mà đưa trực tiếp cho Bùi Ngọc C; C đã chia cho Thụ 50.000.000 đồng, C giữ lại 250.000.000 đồng. Số tiền này C và Thụ đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Số tiền còn lại 17.000 đồng, sau này Hà đưa vào trong tổng số 142.017.000 đồng để làm đường giao thông nội đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 18/11/2018, Bùi Ngọc C đã đưa cho Trương Thanh Th 300.000.000 đồng (trong đó có 50.000.000đ C cho Thụ vay) để nộp vào ngân sách xã. Đến ngày 05/8/2019, gia đình Bùi Ngọc C tiếp tục khắc phục 142.017.000 đồng. Toàn bộ số tiền này UBND xã H và Công ty V đã chi trả cho 06 hộ dân có diện tích đất ruộng bị tạm giữ; cụ thể như sau: ông Lê Văn N nhận tổng số tiền là 56.923.500đ; ông Phạm Ngọc G nhận tổng số tiền là 59.923.500đ; Phạm Ngọc V1 nhận tổng số tiền là 114.043.000đ; ông Lê Trung

V nhận tổng số tiền là 120.037.000đ; ông Lê Trung G1 nhận tổng số tiền 34.155.500 đồng; bà Lê Thị T1 nhận tổng số tiền là 56.923.500đ. Các hộ dân đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường thêm.

Đối với 05 trường hợp không có đất, nhưng được Chi bộ phân công đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để nhận tiền bồi thường của Công ty V là Lê Trung Th, Phạm Ngọc T2, Lê Thị T4, Lê Thị Th1 và Phạm Thị G. Quá trình điều tra xác định 05 cá nhân này về hành vi khách quan có sai phạm, tuy nhiên các cá nhân này do không nhận thức được hành vi sai phạm của các bị can C, Thụ, Hà nên đã chấp nhận đứng tên hồ sơ đất. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa không xử lý trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này Bùi Ngọc C, Trương Thanh Th đã khắc phục toàn bộ số tiền 442.017.000 đồng, đã được UBND xã H và Công ty V đền bù cho các hộ dân, sau khi nhận tiền các hộ dân đã đồng ý và cam kết không khiếu nại, công ty V có văn bản đề nghị không giải quyết phần dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 11/3/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; Điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 41; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam 01 tháng 14 ngày (từ ngày 16/7/2019 đến ngày 30/8/2019).

Hình phạt bổ sung: cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý đất đai trong thời hạn từ 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trương Thanh Th, Nguyễn Thị H; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2020, bị cáo Bùi Ngọc C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Ngọc C thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Thị Thủy và Luật sư Võ Văn Trà thống nhất về tội danh xét xử đối với bị cáo Bùi Ngọc C. Luật sư Thủy cho rằng bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có thời gian tham gia quân đội, là Thương binh, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; đã khắc phục toàn bộ hậu quả và là người cao tuổi... và bị cáo C đã chi hơn 170 triệu đồng trong số tiền 250 triệu đồng bị cáo quản lý, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo C được hưởng mức án thấp nhất. Luật sư Trà cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 281 BLHS năm 1999 được sửa đổi năm 2009, nhưng Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 356 BLHS năm

2015 là bất lợi cho bị cáo và bị cáo C có đủ điều kiện để được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo C được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Ngọc C về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 2 Điều 356 BLHS năm 2015 là có căn cứ và mức hình phạt của điều khoản này tương đương với khoản 2 Điều 281 BLHS năm 1999, đã được sửa đổi năm 2009 nên không bất lợi cho bị cáo. Mức án 36 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo C là phù hợp và đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, có 02 văn bản của Cơ quan Công an xác nhận bị cáo C có thành tích giúp Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Xét thấy bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ và là cán bộ có nhiều thành tích trong công tác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho bị cáo Bùi Ngọc C 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Ngọc C thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt cho Công ty cổ phần may V xây dựng nhà máy may tại khu vực xen canh xã D và xã H, huyện H với tổng diện tích là 45.789m². Công ty cổ phần may V đã thỏa thuận đền bù cho các hộ dân có đất bị thu hồi, trong đó có 06 hộ gia đình ông, bà: Lê Thị T1, Phạm Ngọc G, Lê Trung G1, Lê Văn N, Lê Trung V và Phạm Ngọc V1 ở thôn 9, xã H có đất nằm trong quyết định thu hồi của UBND tỉnh Thanh Hóa, nhưng do trước năm 1988 và giai đoạn năm 1989-1992 các hộ có tên nêu trên còn nợ các khoản tiền sản, tiền trâu bò... bị thôn 9 và UBND xã H tạm giữ đất nên không được Công ty cổ phần may V chi trả tiền bồi thường về đất. Theo quy định của pháp luật thì 06 hộ dân có đất bị tạm giữ nêu trên là người quản lý, sử dụng hợp pháp nên được nhận bồi thường khi Nhà nước thu hồi diện tích đất. Tuy nhiên, Bùi Ngọc C với cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị H là Trưởng thôn 9 tổ chức họp chi bộ phân công một số Đảng viên đứng tên các thửa đất gác nợ để nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng từ Công ty cổ phần may V; chỉ đạo Trương Thanh Th là cán bộ địa chính xã H phối hợp với Hà lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, tự chia diện tích cho 05 hộ, lập danh sách đề nghị xác nhận các chủ sử dụng đất nông nghiệp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký văn bản xác nhận không cho 05 hộ không có đất nhằm mục đích lấy 442.017.000đ tiền đền bù của Công ty cổ phần may V. Trong số tiền trên, Bùi Ngọc C đã trích lại cho thôn 9 số tiền 142.000.000đ để làm đường giao thông

nội đồng, cho Trương Thanh Th 50.000.000đ, số tiền còn lại 250.000.000đ sử dụng cá nhân hết. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử bị cáo Bùi Ngọc C về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Ngọc C, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo Bùi Ngọc C là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H biết rõ diện tích đất tại khu vực Đồng Thần của 06 hộ gia đình các ông, bà Lê Thị T1, Phạm Ngọc G, Lê Trung G1, Lê Văn N, Lê Trung V, Phạm Ngọc V1 bị Ủy ban nhân dân xã H và thôn 9 tạm giữ. Khi thực hiện thu hồi đất và bồi thường dự án nhà máy may V, Bùi Ngọc C đã chỉ đạo Nguyễn Thị H, Trương Thanh Th và chỉ bộ thôn 9 họp cử 05 cá nhân không có đất bị thu hồi đứng tên, ký xác nhận không cho 05 hộ này có đất ở khu vực Đồng Thần nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhận 442.017.000đ tiền đền bù và sử dụng cá nhân số tiền 250 triệu đồng trong số tiền được bồi thường nêu trên.

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo C đã cùng với gia đình tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả; bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội, là Thương binh hạng 4/4 và có nhiều thành tích trong công tác được tặng thưởng Bằng khen, Giấy khen; gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo C có nhiều tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng do hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng chức vụ quyền hạn với mục đích trục lợi nên không có cơ sở để cho bị cáo C được hưởng án treo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa có Văn bản số 1256/CAHH ngày 25/4/2020 và Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang có Văn bản số 534/CSHS ngày 19/5/2020 xác nhận bị cáo C đã cung cấp thông tin giúp cơ quan Công an phát hiện và bắt giữ tội phạm liên quan đến hành vi phạm tội đánh bạc và hành vi phạm tội giết người. Các hộ gia đình (06 hộ) có đất bị thu hồi cũng có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, khoan hồng cho bị cáo C được hưởng mức án thấp nhất.

Do bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, bản thân bị cáo là cán bộ có nhiều cống hiến cho xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Bùi Ngọc C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc C; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Ngọc C; cụ thể như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 41; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc C 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 01 tháng 14 ngày (từ ngày 16/7/2019 đến ngày 30/8/2019).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo C (theo địa chỉ);
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- - Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh